

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96/QĐ-UBND

Tân Dân, ngày 04 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ngân sách phường quý II năm 2024
của UBND phường Tân Dân

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của Hội đồng nhân dân phường Tân Dân về việc Phân bổ dự toán ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán ngân sách về công khai ngân sách phường quý II năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ngân sách phường quý II năm 2024 của Ủy ban nhân dân phường Tân Dân (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, công chức tài chính phường, các ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính TX;
- Như điều 3.
- Lưu: VP.



Chủ tịch

Cao Văn Hậu

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2024	SỐ SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.580.293	1.342.916	24,1
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	192.000	55.286	28,8
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	15.600	630	4,0
3	Thu bổ sung	5.372.693	1.287.000	24,0
	- Thu bổ sung cân đối	5.372.693	1.287.000	24,0
	- Thu bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.580.293	1.196.924	21,4
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	5.467.293	1.196.924	21,9
3	Dự phòng	113.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

NGƯỜI LẬP

Hồng

Nguyễn Thị Hồng

Tân Dân, ngày 04 tháng 07 năm 2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG



CHỦ TỊCH
CAO VĂN HẬU

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2024			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2	
	TỔNG THU		5.580.293,0	0,0	1.342.916			24
I	Các khoản thu 100%		192.000,0		55.286			29
	Phí, lệ phí		9.000,0		8.187			91
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		153.000,0		32.089			21
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp							
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định							
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định							
	Đóng góp của nhân dân theo quy định							
	Đóng góp từ nguyên của các tổ chức, cá nhân							
	Thu khác		30.000,0		15.011			50
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		15.600,0	0,0	630			4
1	Các khoản thu phân chia		0,0	0,0				
	- Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản							
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình							
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh							
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất							
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định		15.600,0	0,0	630			4
	- Thuế TNCN		5.400,0		210			4

	- Thuế GTGT hộ cá thể		10.200,0		420		4
	- Thu tiền sử dụng đất						
	Thu tiền sử dụng đất						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.372.693,0	0,0	1.287.000		24
	- Thu bổ sung cân đối		5.372.693,0		1.287.000		24
	- Thu bổ sung có mục tiêu						

NGƯỜI LẬP

Hồng

Nguyễn Thị Hồng

Tân Dân, ngày 04 tháng 07 năm 2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG



CHỦ TỊCH
CAO VĂN HẬU

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2024						SO SÁNH %		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	7=4/1	8=5/2	10=6/3
A	B	1	2	3	4	5	6						
	TỔNG CHI	5.580.293	-	5.580.293	1.196.924	-	1.196.924	21,45		21,45			
	Trong đó												
1	Chi dân quân tự vệ	233.651		233.651	107.690		107.690	46,09		46,09			
2	Chi an ninh trật tự	133.064		133.064	53.636		53.636	40,31		40,31			
3	Chi giáo dục	15.741		15.741	-			-					
4	Chi y tế	15.741		15.741	3.023		3.023	19,20					
5	Chi văn hóa, thông tin thể thao	51.157		51.157	9.180		9.180	17,94		17,94			
6	Chi phát thanh, truyền thanh	22.955		22.955	11.912		11.912	51,89		51,89			
8	Chi sự nghiệp kinh tế	54.768		54.768	-			-		-			
9	Chi sự nghiệp xã hội	354.064		354.064	-			-		-			
10	Sự nghiệp môi trường	16.135		16.135	16.135		16.135	100,00		100,00			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước Đảng, đoàn thể	4.570.017		4.570.017	924.492		924.492	20,23		20,23			
12	Chi cho công tác xã hội				70.857		70.857						
13	Dự phòng ngân sách	113.000		113.000	-			-					

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Hồng

Nguyễn Thị Hồng

Tân Dân, ngày 04 tháng 07 năm 2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG



CHỦ TỊCH
CAO VĂN HẬU